

Số: /GPMT-UBND

Kon Tum, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường của dự án: Khách sạn Đăk Bla tại Báo cáo số 511/BC-HĐTĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023;

Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án: Khách sạn Đăk Bla (đã chỉnh sửa, bổ sung) gửi kèm theo Văn bản số 58/VLKT ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Công ty Cổ phần Vạn Lợi Kon Tum;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 396/TTr-STNMT ngày 06 tháng 11 năm 2023 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Vạn Lợi Kon Tum (địa chỉ trụ sở chính tại 189 Trần Nhân Tông, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khách sạn Đăk Bla, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khách sạn Đăk Bla.

1.2. Địa điểm hoạt động: Giao lộ đường Bạch Đằng - Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy chứng nhận Đăng ký đầu tư mã số dự án 7845334736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 6100185517.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại, dịch vụ, khách sạn, hội nghị, văn phòng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Công suất thiết kế: 162 phòng; Khách sạn 5 sao theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4391:2015 về Khách sạn - Xếp hạng;

- Diện tích sử dụng đất của dự án: 4.116,4 m²;

- Tổng số vốn đầu tư 421.842.616.000 đồng - Dự án nhóm B (*được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Vạn Lợi Kon Tum khi được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Vạn Lợi Kon Tum có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (*kể từ ngày cấp phép*).

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: Đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; các thông tin về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ cấp phép môi trường của dự án.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án (*t/h*);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (*b/c*);
- CT, các PCT UBND tỉnh (*để biết*);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (*t/h*);
- UBND thành phố Kon Tum (*t/h*);
- UBND phường Quyết Thắng (*t/h*);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Kon Tum (*c/bố*);
- Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường (*c/bố*);
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP;
- Lưu: VT, HTKT, NNTN._{HVT}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt (bao gồm: nước thải đen là nước qua bể tự hoại như nước từ bồn cầu, bồn tiểu; nước xám là nước không qua bể tự hoại như nước thoát sàn, lavabo) của khách sạn.
- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ khu bếp (Nước thải qua bể tách dầu mỡ).
- Nguồn số 3: Nước thải khu giặt, sấy của khách sạn (Nước thải xử lý qua hệ thống xử lý nước thải giặt là).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: Nước thải phát sinh của dự án sau khi được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý nước thải công suất 105 m³/ngày đêm, rồi thoát ra hệ thống thu gom, thoát nước dọc tuyến đường Bạch Đằng tại hố gas tiếp nhận nước thải ngoài khuôn viên dự án.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Đăk Bla tại hạ nguồn cách dự án khoảng 180m về phía Tây Nam, có tọa độ X(m) = 553825; Y(m) = 1586520 thuộc Phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tại hố gas tiếp nhận nước thải trên đường Bạch Đằng, là điểm đầu nối tiếp nhận nước thải của dự án ra ngoài khuôn viên dự án, có tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 107⁰ 30' X(m) = 553833,98; Y(m) = 1586561,5.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn số 1: Lưu lượng xả thải 88,6 m³/ngày đêm;
- Nguồn số 2: Lưu lượng xả thải 7,2 m³/ ngày đêm;
- Nguồn số 3: Lưu lượng xả thải 6 m³/ngày đêm.

Lưu lượng xả thải lớn nhất của khách sạn: 101,8 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Hệ thống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí xả vào nguồn nước tiếp nhận.
- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: tự chảy.

2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A; K=1), cụ thể như sau:

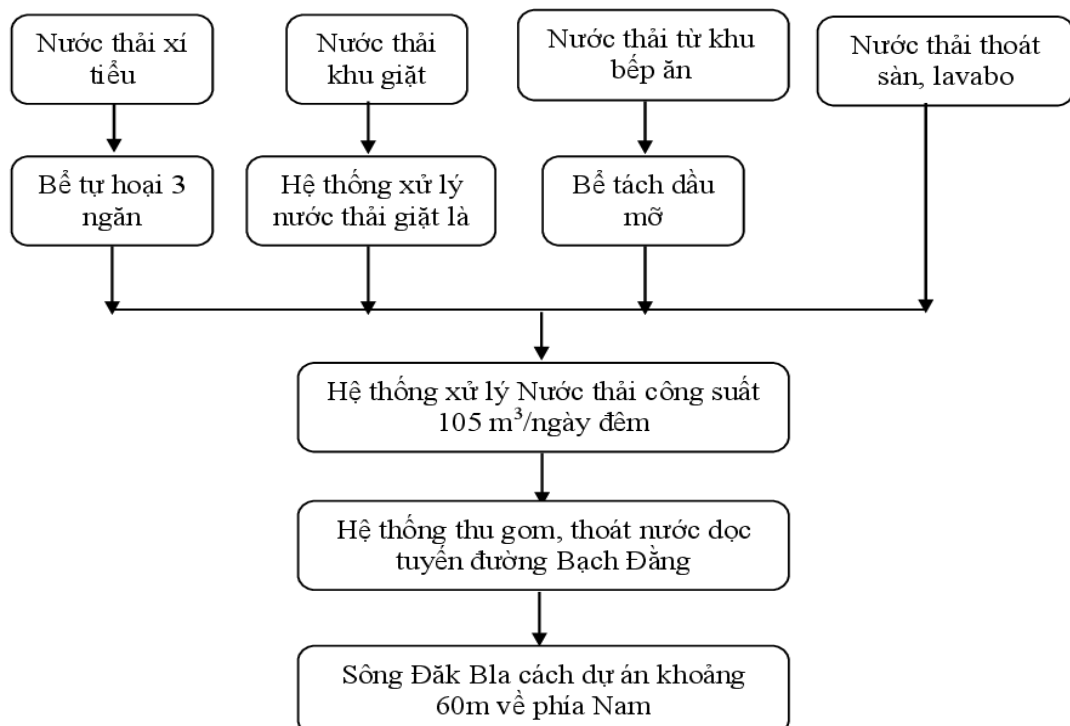
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	pH	–	5 - 9	03 tháng/lần	Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Sơ đồ thu gom, thoát nước thải của dự án:



- Thu gom, thoát nước trong nhà:

+ Đường ống thông hơi nhà vệ sinh từ tầng hầm đến hết tầng 6 trong các tầng sử dụng ống D50mm;

+ Đường ống thông hơi nhà vệ sinh từ tầng 7 đến tầng tum mái sử dụng ống D100mm;

+ Đường ống thông hơi bể tự hoại, bể tách dầu mỡ sử dụng ống D150mm.

+ Đường ống nhánh và ống đứng thoát nước xí, tiểu tại các tầng đều sử dụng ống thoát nước PVC D100mm;

+ Đường ống ngang thu gom nước thải xí, tiểu chung cho các tầng về đến tầng 4 sử dụng ống PVC D150mm.

+ Đường ống đứng (ống chính thu gom chung) nước thải về khu xử lý nước thải tập trung sử dụng ống PVC D200mm.

+ Đường ống nhánh thoát nước rửa từ bồn Lavabo, nước rửa sàn được sử dụng ống thoát PVC có đường kính D100mm.

+ Đường ống thoát nước mưa dọc theo chiều cao tòa nhà được sử dụng ống thoát PVC có đường kính D100mm để dẫn ra hố gas thoát nước chung của khu vực trước khi đấu nối thoát nước ra ngoài dự án bằng đường ống PVC D400mm.

+ Đường ống đứng thoát nước rửa từ bồn Lavabo, nước vệ sinh sàn về hố gas trước khi đi vào hệ thống xử lý chung. Sử dụng ống nhựa có đường kính D114mm.

- Thu gom, thoát nước ngoài nhà:

+ Đường ống dẫn nước thải từ bể tự hoại, từ bể tách dầu mỡ, từ bể xử lý sơ bộ nước thải giặt là về khu xử lý nước thải tập trung được sử dụng đường ống D50mm và dẫn về bằng hình thức bơm cưỡng bức.

+ Đường ống thoát nước thải sau khi xử lý ở hệ thống xử lý nước thải tập trung được sử dụng ống nhựa có đường kính D150mm chiều dài khoảng 42m để đấu nối ra hố gas trong khuôn viên dự án. Hố gas này sẽ là điểm kiểm tra chất lượng nước thải trước khi đấu nối ra ngoài môi trường bên ngoài dự án. Điểm đấu nối nước thải vào mương thoát nước chung của thành phố tại điểm góc phía Nam dự án.

- Nước thải phát sinh từ các hoạt động nhà hàng, cafe, bếp được thu gom từ các khu phòng, đấu nối trực tiếp vào hệ thống xử lý nước thải chung của khách sạn bằng hình thức tự chảy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn:

Nước thải đen (Chậu tiểu, chậu xí) → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

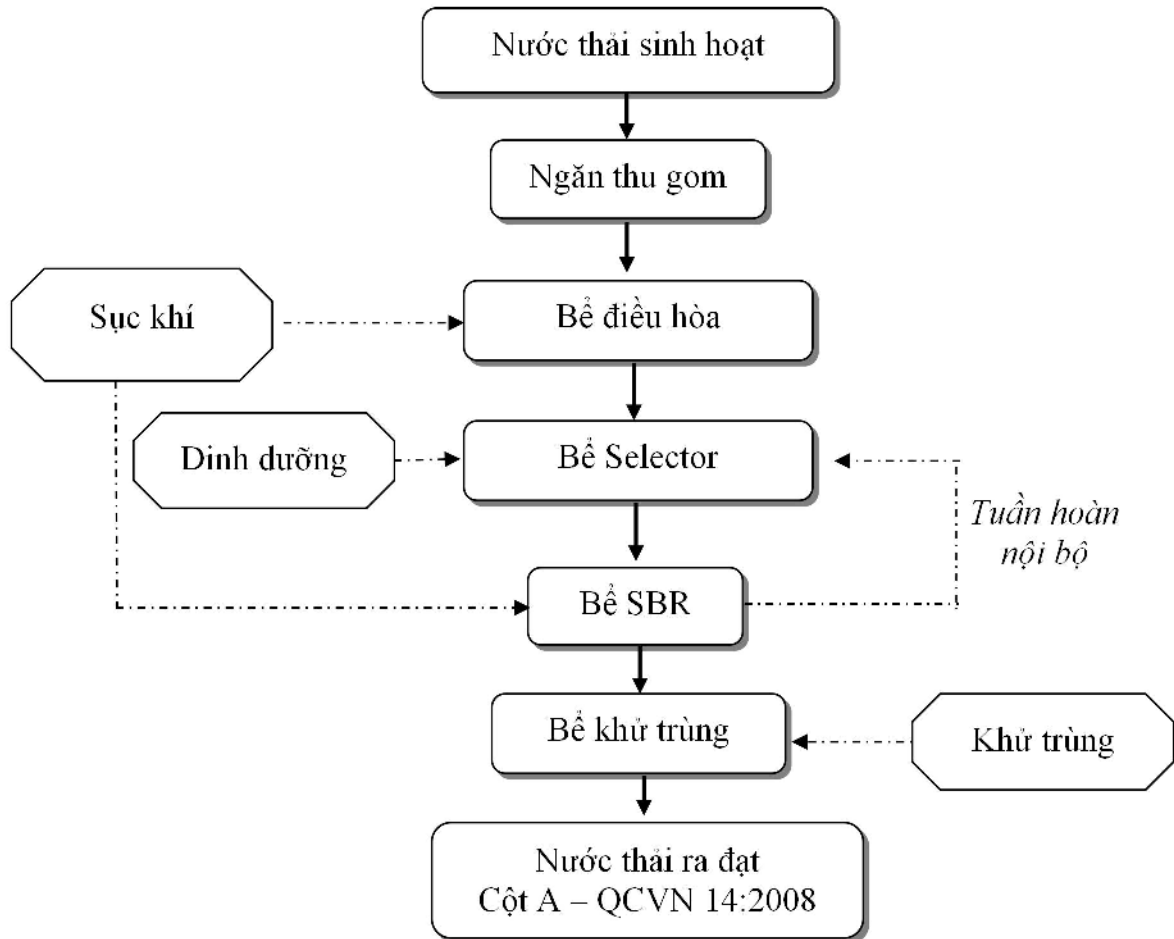
- Xử lý nước thải giặt là:

Nước thải giặt là → Bể điều hòa giặt là → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể chứa sau hóa lý → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Xử lý nước thải từ bếp ăn:

Nước thải từ bếp ăn → Bể tách dầu mỡ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

❖ **Xử lý nước thải tập trung:**



- Toàn bộ nước thải (bao gồm nước thải đen sau khi qua bể tự hoại 3 ngăn, nước thải xám; nước thải từ khu bếp sau khi qua bể tách dầu mỡ; nước thải từ khu giặt, sấy của khách sạn sau khi qua hệ thống xử lý nước giặt là) được thu gom về ngăn thu gom → Bể điều hòa → Bể Selector → Bể SBR (bể hiếu khí) → Bể khử trùng. Bể Selector được thêm vào để tăng hiệu quả xử lý của bể SBR tới mức tối ưu nhất. Nước thải trong pha phản ứng hiếu khí liên tục được tuần hoàn từ bể SBR về bể Selector. Bùn hoạt tính được định kỳ xả về bể chứa bùn để đảm bảo hiệu suất làm việc. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K=1).

- Công suất thiết kế: 105 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm vi sinh; hóa chất.

- Kích thước các bể xử lý nước thải tại dự án như sau:

STT	Mô tả	Kích thước	Số lượng	Thể tích
1	Bể tự hoại 3 ngăn	3,6 x 2,05 x 1,4m	1	10,322 m ³
		3,6 x 1,2 x 1,4m	2	12,096 m ³
2	Bể tách dầu mỡ	1,7 x 1,2 x 1,2m	2	4,896 m ³
3	Bể điều hòa sinh hoạt	4,0 x 3,0 x 2,8 m	1	33,6 m ³
4	Bể Selector	3,0 x 2,0 x 2,8 m	1	16,8 m ³
5	Bể SBR	6,0 x 3,0 x 2,8 m	1	50,4 m ³
6	Bể trung gian	3,0 x 1,5 x 2,8 m	1	12,6 m ³
7	Bể điều hòa giặt là	2,0 x 1,5 x 2,8 m	1	8,4 m ³
8	Bể keo tụ	1,0 x 0,9 x 2,8 m	1	2,6 m ³
9	Bể tạo bông	1,0 x 0,9 x 2,8 m	1	2,6 m ³
10	Bể lắng hóa lý	2,0 x 2,0 x 2,8 m	1	11,2 m ³
11	Bể chứa sau hóa lý	2,0 x 1,5 x 2,8 m	1	8,4 m ³
12	Bể chứa bùn	4,0 x 2,0 x 2,8 m	1	22,4 m ³
13	Bể khử trùng	3,1 x 2,0 x 2,8 m	1	15,5 m ³

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hệ thống xử lý được vận hành thường xuyên, liên tục và đảm bảo theo đúng quy trình.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống để tránh hiện tượng tắc nghẽn, vận hành theo đúng quy trình. Đặc biệt khi gặp sự cố sẽ báo cáo với các đơn vị có liên quan để xử lý kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Ba (03) tháng kể từ khi dự án được xây dựng hoàn thiện (*Chủ dự án có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/NĐ-CP*).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 105 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

+ 01 Vị trí nước thải đầu vào hồ thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

+ 01 Vị trí nước thải tại hồ gas tiếp nhận nước thải trên đường Bạch Đằng, là điểm đầu nối tiếp nhận nước thải của dự án ra ngoài khuôn viên dự án, có tọa độ VN 2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 107⁰ 30' X(m) = 553833,98; Y(m) = 1586561,5.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Vạn Lợi Kon Tum phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần (Trong 3 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Công ty Cổ phần Vạn Lợi Kon Tum chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép môi trường này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPM-T-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

+ Vị trí xả bụi/khí thải: Tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng của dự án (thuộc phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum).

+ Toạ độ dự kiến X (m) = 553842; Y (m) = 1586630 (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 8.275 m³/giờ

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả gián đoạn (khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, các hệ số $K_p=1$ và $K_v=0,8$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Ghi chú
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ và quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải.
2	CO	mg/Nm ³	800	
3	SO ₂	mg/Nm ³	400	
4	NO _x	mg/Nm ³	680	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Không có.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng đi qua bộ lọc khí đi kèm với máy trước khi thoát ra ngoài môi trường xung quanh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục đối với khí thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Chỉ hoạt động khi xảy ra sự cố mất điện.

- Sử dụng nhiên liệu sạch đúng tiêu chuẩn (dầu DO), ít phát sinh khí thải, lắp đặt ống khói vào máy phát điện theo đúng kỹ thuật nhằm tránh sự phát tán các khí độc hại ra ngoài môi trường.

- Khu đặt máy phát điện được bố trí nằm cách xa khu vực khám bệnh và bố trí trong nhà kín, cách xa các phân khu chức năng.

- Khu vực để máy phát điện thông thoáng và có cửa sổ thông gió.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thường xuyên kiểm tra định kỳ máy phát điện dự phòng để sửa chữa và thay mới các chi tiết bị hư hỏng.

3.3. Công ty Cổ phần Vạn Lợi Kon Tum chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khu vực hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí, máy bơm,..).
- Nguồn số 03: Hoạt động dịch vụ của Khách sạn (Hội nghị, hội thảo,...).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ dự kiến $X(m) = 553845$; $Y(m) = 1586631$ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3).
- Nguồn số 02: Tọa độ dự kiến $X(m) = 553846$; $Y(m) = 1586610$ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3).
- Nguồn số 03: Tọa độ dự kiến $X(m) = 553858$; $Y(m) = 1586625$ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trục $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3).

3. Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1 Tiếng ồn:

TT	Giá trị giới hạn theo QCVN 26:2010/BTNMT		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	QCVN 27:2010/BTNMT Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	60	55	Khu vực đặc biệt
2	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.

- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.

- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe định kỳ 6 tháng/lần theo quy định, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại phần A phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Rắn/lỏng/khí	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	6
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	10
3	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	30
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	25
Tổng cộng				71

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 444 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: 05 thùng chứa 120 lít, có nắp đậy tại kho chứa chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải: Dự án bố trí khu vực riêng ở tầng hầm để đặt các thùng chứa chất thải nguy hại.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Kiểu kho kín, có mái che, nền cao được lát bê tông và đặt tại nơi có cao trình đảm bảo, xa khu dân cư, khu lán trại để tránh bị ảnh hưởng bởi mưa lũ và đảm bảo an toàn cho cán bộ công nhân viên; bố trí biển cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa.

- Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Sau một thời gian khi đủ số lượng sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại.

- Lưu chứng từ chất thải nguy hại trong vòng 5 năm kể từ ngày xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 24 thùng rác loại 120 lít (*bố trí tại mỗi tầng khách sạn*). Hằng ngày sẽ được thu gom về nơi về khu vực tập kết chất thải và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý để đảm bảo vệ sinh môi trường.

2.2.2. Khu vực tập kết chất thải:

- Diện tích: 24 m²; Vị trí: Tầng hầm; Thiết kế, cấu tạo: 6,0 m x 4,0m.

- Hằng ngày chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom về nơi về khu vực tập kết chất thải và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý để đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Thuê đơn vị đầy đủ chức năng đến thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.

- Hạn chế tồn trữ về lượng, cách ly các nguồn dễ phát sinh cháy, nổ như: lửa, chập điện, hàn điện, đun nấu tại dự án, hút thuốc lá,...

- Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, nội quy an toàn cháy, nổ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy. Bố trí bình cứu hỏa cầm tay ở vị trí thích hợp để thuận tiện cho công tác chữa cháy và luôn kiểm tra để đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan khi có sự cố xảy ra.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

2. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy, chữa cháy theo quy định và tuân thủ công tác bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

4. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định./.
